

Đánh giá theo phương pháp chấm điểm:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản. Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. Đối với gói thầu cần xem xét trên cơ sở chú trọng tới các yếu tố kỹ thuật, Chủ đầu tư có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không thấp hơn 80% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. E-HSDT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j \equiv \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

t_{ji} = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

w_{ji} = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

k = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát “j”, và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

$$T \equiv \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

S_j = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

W_j = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

N = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

$$\sum_{j=1}^n W_j = 1$$

TT	Nội dung đánh giá	Mức điểm tối đa/ Điểm chi tiết	Mức điểm tối thiểu/Điểm chi tiết
A	NĂNG LỰC NHÀ THẦU	40	27
I	Năng lực kinh nghiệm và hồ sơ pháp lý	10	
1	Nhà thầu phải có giấy phép đăng ký kinh doanh /giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh bảo hiểm do Bộ Tài chính cấp. Trong đó có nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm sức khỏe.	5	2
	<i>Trường hợp liên danh, các thành viên trong liên danh phải đáp ứng yêu cầu này.</i>		
<i>1.1</i>	Không có giấy phép đăng ký kinh doanh, giấy phép thành lập và hoạt động do Bộ Tài Chính cấp	0	
<i>1.2</i>	Kinh nghiệm kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm sức khỏe dưới 10 năm	1	
<i>1.3</i>	Kinh nghiệm kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm sức khỏe từ 10 năm đến 20 năm	2	
<i>1.4</i>	Kinh nghiệm kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm sức khỏe trên 20 năm	5	
2	Số hợp đồng sức khỏe mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, mỗi hợp đồng có giá hợp đồng từ 2 tỷ đồng trở lên (tính theo năm bảo hiểm)	5	
<i>2.1</i>	Dưới 01 hợp đồng	0	
<i>2.2</i>	Từ 01 đến 03 hợp đồng	2	
<i>2.3</i>	Trên 03 hợp đồng	5	
II	Năng lực của nhà thầu trong việc bảo lãnh viện phí và giải quyết bồi thường.	30	21
	<i>* Nhà thầu cung cấp danh sách hệ thống bệnh viện phòng khám, cơ sở khám chữa bệnh được bảo lãnh viện phí.</i>		
1	Dịch vụ bảo lãnh viện phí áp dụng với các quyền lợi bao gồm: Nội trú, ngoại trú do bệnh.	5	
<i>1.1</i>	Nhà thầu không đáp ứng bảo lãnh nội trú và ngoại trú do bệnh	0	
<i>1.2</i>	Nhà thầu đáp ứng bảo lãnh nội trú	2	
<i>1.3</i>	Nhà thầu đáp ứng dịch vụ bảo lãnh viện phí cho quyền lợi: Nội trú, ngoại trú do bệnh	5	
2	Danh sách Hệ thống bảo lãnh viện phí của nhà thầu	5	
<i>2.1</i>	Nhà thầu có dưới 150 bệnh viện, phòng khám, cơ sở y tế được bảo lãnh viện phí	0	
<i>2.2</i>	Nhà thầu có từ 150 đến 250 bệnh viện, phòng khám, cơ sở y tế được bảo lãnh viện phí	2	

2.3	Nhà thầu có trên 250 bệnh viện, phòng khám, cơ sở y tế được bảo lãnh viện phí	5	
3	Thời gian hoàn thành thủ tục bảo lãnh viện phí: Nhà thầu cam kết bằng văn bản thời gian tối đa hoàn thành thủ tục bảo lãnh viện phí cho quyền lợi Nội trú trong vòng 24h và ngoại trú, nha khoa là 30 phút/trường hợp được bảo lãnh (áp dụng đối với hệ thống bảo lãnh nêu trên).	5	
3.1	Không đáp ứng tất cả yêu cầu trên	0	
3.2	Đáp ứng nhưng không đầy đủ theo yêu cầu	2	
3.3	Đáp ứng đầy đủ nội dung theo yêu cầu	5	
4	Thời gian giải quyết bồi thường: - Hồ sơ dưới 20 triệu: trong vòng 7- 10 ngày làm việc - Hồ sơ trên 20 triệu: trong vòng 15 ngày làm việc	5	
4.1	Nhà thầu có thời gian giải quyết bồi thường dài hơn so với yêu cầu	0	
4.2	Nhà thầu có thời gian giải quyết bồi thường đáp ứng theo yêu cầu	2	
4.3	Nhà thầu có thời gian giải quyết bồi thường ngắn hơn so với yêu cầu	5	
5	Áp dụng giải quyết hồ sơ bồi thường bằng hình thức trực tuyến (online) qua App/email không yêu cầu cung cấp hồ sơ gốc đối với mọi trường hợp điều trị ngoại trú và nha khoa. <i>* Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh/bản hướng dẫn quy trình bồi thường bằng hình thức trực tuyến.</i>	5	5
5.1	Nhà thầu không áp dụng Áp dụng giải quyết hồ sơ bồi thường bằng hình thức trực tuyến (online) qua App/email	0	
5.2	Nhà thầu chỉ áp dụng giải quyết hồ sơ bồi thường bằng hình thức trực tuyến (online) qua App/email đối với hồ sơ bồi thường ngoại trú hoặc nha khoa có hóa đơn điện tử, hoặc có giới hạn hạn mức.	2	
5.3	Nhà thầu có áp dụng giải quyết hồ sơ bồi thường bằng hình thức trực tuyến (online) qua App/email đối với tất cả các loại hồ sơ bồi thường và không yêu cầu cung cấp hồ sơ gốc đối với mọi trường hợp điều trị ngoại trú và nha khoa	5	
6	Cung cấp dữ liệu thông tin về bồi thường bao gồm các thông tin: Phương thức bồi thường sử dụng, họ tên người được bảo hiểm, ngày/tháng/năm sinh/, thời gian điều trị, nhóm tham gia bảo hiểm, quyền lợi sử dụng, số tiền yêu cầu bồi thường, số tiền được bồi thường, chuẩn đoán bệnh, cơ sở y tế điều trị, lý do từ chối bồi thường	5	

6.1	Nhà thầu không đáp ứng các nội dung thông tin dữ liệu theo yêu cầu nêu trên	0	
6.2	Nhà thầu đáp ứng đầy đủ các nội dung thông tin dữ liệu theo yêu cầu nêu trên	2	
6.3	Nhà thầu đáp ứng đầy đủ các nội dung thông tin dữ liệu theo yêu cầu nêu trên và mở rộng thêm các thông tin như: phân loại nhóm cơ sở y tế, phân loại nhóm bệnh, số tiền từ chối bồi thường...	5	
B	YÊU CẦU BẢO HIỂM	60	43
I	Quy trình thực hiện bảo hiểm và giải quyết bồi thường	22	15
1	Quy trình tổ chức thực hiện gói thầu: cấp đơn bảo hiểm cho CBCNV/thẻ bảo hiểm cho CBCNV (thể hiện mối quan hệ giữa các bên liên quan: Người mua bảo hiểm - CBCNV - Công ty bảo hiểm...) thời gian cấp đơn bảo hiểm/thẻ bảo hiểm (bao gồm thẻ cứng và thẻ điện tử), sửa đổi bổ sung, thông báo thu phí, hóa đơn tài chính.	3	
1.1	Không đáp ứng yêu cầu	0	
1.2	Đáp ứng đầy đủ nội dung theo yêu cầu	3	
2	Quy trình tổ chức (gồm sơ đồ) về giải quyết bồi thường (thể hiện mối quan hệ giữa người mua bảo hiểm - Công ty bảo hiểm - Bộ phận bồi thường - Người nhận được tiền bồi thường; tài liệu chứng từ đòi bồi thường; thời gian tối đa từng giai đoạn).	3	
2.1	Không đáp ứng yêu cầu	0	
2.2	Đáp ứng đầy đủ nội dung theo yêu cầu	3	
3	Bản chào phí bảo hiểm bao gồm: Chương trình bảo hiểm/quyền lợi bảo hiểm (gồm 5 nhóm), điều kiện, điều khoản bảo hiểm, thời gian chờ của hợp đồng đáp ứng đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại Mục 3 Chương V Phần thứ hai Yêu cầu về kỹ thuật	3	3
3.1	Không đáp ứng yêu cầu	0	
3.2	Đáp ứng đầy đủ nội dung theo yêu cầu	3	
4	Nhà thầu Cam kết không tăng phí trong thời gian gia hạn hiệu lực hợp đồng	3	3
4.1	Không đáp ứng yêu cầu	0	
4.2	Đáp ứng đầy đủ nội dung theo yêu cầu	3	
5	Phí bảo hiểm đối với chương trình bảo hiểm cho người thân của cán bộ nhân viên. <i>* So sánh mức phí bảo hiểm của tất cả các nhà thầu tham dự thầu và sắp xếp theo thứ tự từ thấp đến cao.</i>	5	
5.1	Các nhà thầu còn lại	0	
5.2	Nhà thầu có mức phí bảo hiểm thấp thứ năm	1	
5.3	Nhà thầu có mức phí bảo hiểm thấp thứ tư	2	

5.4	Nhà thầu có mức phí bảo hiểm thấp thứ ba	3	
5.5	Nhà thầu có mức phí bảo hiểm thấp thứ hai	4	
5.6	Nhà thầu có mức phí bảo hiểm thấp nhất	5	
6	Cấp thẻ bảo hiểm bao gồm: Thẻ cứng và thẻ bảo hiểm điện tử	2	2
6.1	Không đáp ứng yêu cầu	0	
6.2	Đáp ứng đầy đủ nội dung theo yêu cầu	2	
7	Sử dụng mobile app: Người được bảo hiểm tra cứu quyền lợi bảo hiểm, thẻ bảo hiểm điện tử, theo dõi hồ sơ bồi thường, tìm kiếm thông tin bệnh viện phòng khám có liên kết, thay đổi thông tin tài khoản NĐBH nếu có yêu cầu. <i>* Nhà thầu cung cấp hướng dẫn sử dụng Mobile app kèm theo</i>	3	
7.1	Không đáp ứng yêu cầu	0	
7.2	Đáp ứng đầy đủ nội dung theo yêu cầu	3	
II	Yêu cầu về quyền lợi bảo hiểm	38	28
1	Quyền lợi bảo hiểm theo yêu cầu tại Phụ lục 01 Chương V E-HSMT	15	
1.1	Nhà thầu không đáp ứng được một trong các quyền lợi của Bảng quyền lợi của đầu bài	0	
1.2	Nhà thầu đáp đầy đủ quyền lợi bảo hiểm theo yêu cầu tại Phụ lục 01 Chương V E-HSMT	12	
1.3	Nhà thầu đáp đầy đủ quyền lợi bảo hiểm theo yêu cầu tại Phụ lục 01 Chương V E-HSMT và đồng thời tăng mức giới hạn chung tối đa quyền lợi/người/năm đối với điều trị nội trú hoặc ngoại trú dưới 5%	13	
1.4	Nhà thầu đáp đầy đủ quyền lợi bảo hiểm theo yêu cầu tại Phụ lục 01 Chương V E-HSMT và đồng thời tăng mức giới hạn chung tối đa quyền lợi/người/năm đối với điều trị nội trú hoặc ngoại trú dưới từ 5% đến 10%	14	
1.5	Nhà thầu đáp đầy đủ quyền lợi bảo hiểm theo yêu cầu tại Phụ lục 01 Chương V E-HSMT và đồng thời tăng mức giới hạn chung tối đa quyền lợi/người/năm đối với điều trị nội trú hoặc ngoại trú dưới trên 10%	15	
2	Điều kiện điều khoản bảo hiểm theo yêu cầu tại Phụ lục 02 Chương V E-HSMT	15	
2.1	Nhà thầu không đáp ứng được 1 trong 47 điều khoản quan trọng của Bộ điều kiện điều khoản áp dụng	0	
2.2	Nhà thầu đáp ứng dưới 70 điều khoản của Bộ điều kiện điều khoản áp dụng, trong đó áp ứng đủ 47 điều khoản quan trọng	12	

2.3	Nhà thầu đáp ứng từ 70 đến 80 điều khoản của Bộ điều kiện điều khoản áp dụng, trong đó đáp ứng đủ 47 điều khoản quan trọng	13	
2.4	Nhà thầu đáp ứng từ 80 đến dưới 90 điều khoản của Bộ điều kiện điều khoản áp dụng, trong đó đáp ứng đủ 47 điều khoản quan trọng	14	
2.5	Nhà thầu đáp ứng đủ 90 điều khoản của Bộ điều kiện điều khoản áp dụng	15	
3	Thời gian chờ đối với cán bộ nhân viên và người thân của cán bộ nhân viên	3	
3.1	Nhà thầu áp dụng thời gian chờ đối với các quyền lợi được bảo hiểm đối với nhân viên & người thân.	0	
3.2	Miễn toàn bộ thời gian chờ đối với mọi đối tượng liên quan đến gói thầu	3	
4	Mở rộng bồi thường chi phí phát sinh tại Trung tâm Y tế ĐHBK Hà Nội	5	
4.1	Không đáp ứng yêu cầu	0	
4.2	Đáp ứng nhưng thu hẹp quyền lợi, hạn mức, điều kiện điều khoản theo quy định tại Phụ lục 01, phụ lục 02 Chương V E-HSMT	2	
4.3	Đáp ứng đầy đủ quyền lợi, hạn mức, điều kiện, điều khoản theo quy định tại E-HSMT	5	
Tổng số điểm		100	70

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSMT có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSMT: Không có

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập: Không có